TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **127**/2021/HS-ST
Ngày: 07 - 07 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phan Đăng Định - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 89/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/HSST-QĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 18 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1996 tại HD. Giới tính: Nam. HKTT: Thôn UH, xã MT, huyện NS, tỉnh HD. Nơi cư trú: Ấp TL1, xã CG, huyện TB, tỉnh ĐN. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị H. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không có.

Tiền án: Không có.

Nhân thân: Tại bản án số 32/2020/HS-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị cáo bị xử phạt 02 năm cải tạo không giam giữ về tội " Bắt giữ người trái pháp luật", nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ trước, thời gian còn lại phải chấp hành là 14 tháng 09 ngày kể từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Ngày 17/7/2020, Công an xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom đã nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; đến ngày 10/10/2020 bị cáo bị giam giữ về hành vi phạm tội bị xét xử trong vụ án này.

Bị giam giữ từ ngày 10/10/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ- Công an huyện Trảng Bom.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Sin Thoại K, sinh năm 1973- Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Thoại K- Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Số 347/69/47b LVT, phường 9, quận GV, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Mai Ngọc T, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: ấp LH, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Anh Vòng Tắc D, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Bà Tsan Ngọc M, sinh năm: 1969; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Anh Vũ Văn Việt, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Thôn TT, xã KĐ, huyện CN, tỉnh HY.

+ Anh Tằng Quốc H, sinh năm 1998; Địa chỉ cư trú: ấp TA, xã ST, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Anh Nguyễn Thế P, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: ấp LH, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: tổ 20, ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Chị Phan Thị H, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Khu phố 2, thị trấn VA, huyện VC, tỉnh ĐN.

+ Anh Phan Thanh T, sinh năm 1992; HKTT: ấp 2, xã MĐ, huyện VC, tỉnh ĐN. Địa chỉ cư trú: Khu phố 2, thị trấn VA, huyện VC, tỉnh ĐN.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp CĐ, xã CG, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Chị Lê Thị Kim A, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Khu phố 1, thị trấn VA, huyện VC, tỉnh ĐN.

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: ấp LH, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: ấp LH, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Chị Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1999; Địa chỉ cư trú: ấp CĐ, xã BH, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Bà Nguyễn Thị Huyền N, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Khu phố 1, thị trấn VA, huyện VC, tỉnh ĐN.

+ Anh Đỗ Trường N, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: ấp CĐ, xã CG, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Anh Ngô P, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Anh Diệp Anh T, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Anh Đặng Vĩnh P, sinh năm 2001; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã ST, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Anh Tằng Nhựt S, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: ấp TA, xã ST, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Chị Triệu Thị Ngọc X, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Chị Tinh Sy H, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Anh Lâm Cỏn P, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Bà Trần Thị D, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Chị Hồ Thị Thanh H, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TB, huyện TB, tỉnh ĐN.

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. HKTT: Thôn PK, xã PĐ, huyện NS, tỉnh HD. Địa chỉ cư trú: Số nhà 67, khu phố 1, xã PV, huyện ĐQ, tỉnh ĐN.

Người làm chứng:

+ Anh Hong Cóng S, sinh năm 1995.

+ Bà Đỗ Chiêu Q, sinh năm 1972.

(*Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/12/2019, Công an huyện Trảng Bom và Công an xã Cây Gáo tiến hành kiểm tra Dịch vụ cầm đồ "Ngọc Tùng 6789" tại ấp TL1, xã CG, huyện TB. Tại thời điểm kiểm tra xác định Nguyễn Văn T là người quản lý dịch vụ cầm đồ, cơ sở không xuất trình được pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh, quá trình kiểm tra phát hiện và tạm giữ 04 cuốn sổ ghi nợ, 07 hợp đồng vay nợ của: Hồ Thị Thanh H, Vũ Văn V, Nguyễn Thị D, Tinh Sy H, Nguyễn Thị H và bên trong 02 két sắt có 31 hợp đồng vay nợ của Diệp Anh T, Tằng Nhựt S, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Diễm H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Mộng T, Nguyễn Thế P, Vòng Tắc D, Phan Thanh T, Tsan Ngọc M, Trần Thị D, Vòng Tắc D, Tằng Quốc H, Nguyễn Văn P, Triệu Thị Ngọc X, Phạm Ngọc T, Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị Huyền N, Phan Thị H, Nguyễn Thị M, Đỗ Trường N, Ngô P, Lâm Cỏn P, Nguyễn Thị M, Mai Ngọc T, Nguyễn Văn Đ, Lê Thị Kim A, Đặng Vĩnh P. Tổng số tiền trên các hợp đồng cho người vay là: 417.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 03 cuốn sổ bên trong có ghi nội dung vay tiền và 01 cuốn sổ bên trong có nội dung cầm cố tài sản.

- 03 điện thoại di động (01 nhãn hiệu Iphone 6 có sim số 0964590113; 01 nhãn hiệu Oppo A5 có sim số 0788284404, 0865192195; 01 nhãn hiệu Nokia 1202 màu xanh có sim số: 0705788828).

- 03 gậy đánh golf; 02 dao bấm; 01 búa rìu cán gỗ.

- 02 két sắt (nhãn hiệu K-ONE SAFE và BAUCHE.TC)

- 01 đầu thu camera nhãn hiệu HIR VISION.

Ngày 29/6/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai giám định chữ viết của đối tượng Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Long trong mẫu giám định và mẫu so sánh:

- 01 (một) Cuốn sổ bìa màu xanh có chữ "NEW ktbook", gồm 35 tờ có chữ viết bằng mực màu xanh và bút chì (ký hiệu từ A1 đến A35).

- 01 (một) Cuốn sổ bìa màu đen có chữ " Gracious *** ck6***" gồm có 11 tờ có chữ viết bằng mực màu xanh (ký hiệu từ A36 đến A46).

- 01 (một) Cuốn sổ bìa màu đen có chữ " Gracious *** ck6***" gồm có 09 tờ có chữ viết bằng mực màu xanh (ký hiệu từ A47 đến A55).

- 01 (một) tờ giấy khổ A4, một mặt có chữ Giấy biên nhận cam kết vay tiền, mặt còn lại có chữ viết với nội dung bắt đầu bằng từ "13/12" và kết thúc bằng từ "Nguyễn Văn T" (ký hiệu A56).

- 01 (một) Bản tự khai, đứng tên Nguyễn Văn T, đề ngày 29/4/2020 (ký hiệu M1).

- 01 (một) Bản tường trình, đứng tên Nguyễn Văn T, đề ngày 24/6/2020 (ký hiệu M2).

- 02 (hai) Bản tự khai, đứng tên Nguyễn Văn T, không đề ngày tháng năm (ký hiệu M3, M4).

- 01(một) bản tự khai, đứng tên Nguyễn Văn Long, không đề ngày tháng năm (ký hiệu M5).

Tại Kết luận giám định chữ viết số 1305/KLGĐ-PC09 ngày 10/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận như sau:

Chữ viết các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A2, A5 (Chữ viết đóng khung màu đỏ), A10 (Chữ viết đóng khung màu đỏ), A18, từ A20 đến A23, A30. A31, A32 (loại trừ chữ viết không đóng khung màu đỏ mặt sau), A33 (Chữ viết đóng khung màu đỏ), A44 (Chữ viết đóng khung màu đỏ), A45, A46, A49 (Chữ viết đóng khung màu đỏ), A52 (trừ chữ viết đóng khung màu đỏ), A53 (trừ chữ viết đóng khung màu đỏ), A54, A56) với chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người viết ra, tức là của Nguyễn Văn T.

Chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu từ A24 đến A29, từ A36 đến A43, A44 (trừ chữ viết đóng khung màu đỏ), A48, A49 (trừ chữ viết đóng khung màu đỏ), A50, A51, A52 (Chữ viết đóng khung màu đỏ), A53 (Chữ viết đóng khung màu đỏ), A55) với chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M5) do cùng một người viết ra, tức là của Nguyễn Văn Long.

Chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A3, A4, A5 (trừ chữ viết đóng khung màu đỏ), A10 (trừ chữ viết đóng khung màu đỏ), A17, A19, A32 (chữ viết không đóng khung màu đỏ mặt sau), A33 (loại trừ chữ viết đóng khung màu đỏ), A34, A35, A47) không trùng với chữ viết nào trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5).

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T khai nhận Dịch vụ cầm đồ "Ngọc Tùng 6789" hoạt động vào khoảng tháng 10/2019 cho đến ngày 20/12/2019 do Nguyễn Ngọc T làm chủ nhưng không có mặt ở tiệm mà giao lại cho Nguyễn Văn T trông coi quản lý và trực tiếp các hoạt động kinh doanh cầm đồ, cho vay tín dụng. Việc hoạt động cho vay tín dụng như sau: Khi người vay tiền có nhu cầu thì mang chứng minh nhân dân đến tiệm cầm đồ để ghi giấy vay nợ theo mẫu in sẵn. Có 03 hình thức vay tiền là vay trả góp tiền gốc, lãi trong vòng 25 ngày hoặc vay trả lãi theo ngày hoặc vay tiền 10 ngày trả tiền lãi một lần. Cụ thể: Nếu vay số tiền 5.000.000 đồng phải trả góp gốc và lãi trong vòng 25 ngày, mỗi ngày trả số tiền 250.000 đồng, sau 25 ngày số tiền phải trả là 6.250.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.250.000 đồng tiền lãi (nghĩa là 01 ngày phải trả 50.000 đồng/5.000.000 đồng tiền lãi, tương đương lãi suất là 360%/năm). Nếu vay trả lãi ngày hoặc 10 ngày trả tiền lãi 01 lần thì 1.000.000 đồng tiền gốc mỗi ngày phải trả 20.000 đồng tiền lãi, tương đương lãi suất cho vay là 720%/ năm.

Sau đó, Nguyễn Văn T thay đổi lời khai, T thừa nhận chỉ có mình bị cáo cho 30 người có tên trên các hợp đồng vay tiền vay với tổng số tiền gốc cho vay là 350.000.000 đồng (Trong đó, Nguyễn Văn T cho bị cáo T mượn 300.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng là tiền của T bỏ ra) nhưng không thừa nhận bị cáo cho vay lãi nặng, chỉ cho vay tiền trả lãi theo tháng với mức lãi suất cho vay là 2%-2,5%/01 tháng.

Căn cứ vào kết luận giám định chữ viết thì xác định Nguyễn Văn T là người đã ghi thông tin người vay, số tiền cho vay, theo dõi số tiền trả lãi của những người vay tiền vào 03 cuốn sổ trên, ngoài ra còn có chữ viết của đối tượng Nguyễn Văn Long. Đồng thời dữ liệu hình ảnh thu được trong đầu thu camera an ninh thể hiện việc cho vay tiền giữa Nguyễn Văn T và những người vay tiền. Qua đó đã xác định được Nguyễn Văn T đã cho các khách hàng vay tiền như sau:

+ Anh Mai Ngọc T vay 03 lần: Lần 01 ngày 18/11/2019 đến ngày 27/11/2019 vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức góp ngày, tiền gốc đã trả là 3.200.000 đồng và tiền lãi là 800.000 đồng/16 ngày; lãi suất cho vay 360%/năm. Lần thứ 2 từ ngày 04/12/2019 đến 29/12/2019, vay 5.000.000 đồng theo hình thức góp ngày, tiền gốc đã trả là 2.600.000 đồng và tiền lãi là 650.000 đồng/13 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Lần thứ 3 từ ngày 06/02/2019 đến 11/12/2019, vay 5.000.000 đồng, chưa đóng tiền gốc, đóng lãi 300.000 đồng/06 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả: 5.800.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 9.200.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 97.222 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 1.652.777 đồng.

+ Anh Vòng Tắc D vay 02 lần: Lần 01 từ ngày 25/11/2019 đến 05/12/2020, vay 5.000.000 đồng đã trả đủ tiền gốc và số tiền lãi trong vòng 25 ngày là 1.250.000 đồng; lãi suất cho vay là 360%/năm. Lần thứ 2 từ ngày 21/11/2019 theo hình thức đóng lãi trong vòng 10 ngày với số tiền lãi là 1.000.000 đồng, tiền gốc chưa trả; lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả: 5.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 5.000.000 đồng; số tiền lãi

theo quy định: 55.555 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 2.194.444 đồng.

+ Bà Tsan Ngọc M vay số tiền 20.000.000 đồng từ ngày 01/10/2019 đến ngày 10/10/2019 theo hình thức 10 ngày đóng lãi 01 lần với số tiền lãi đã trả là 8.000.000 đồng/20 ngày, tiền gốc chưa trả; lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 0 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 20.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 222.222 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 7.777.777 đồng.

+ Anh Vũ Văn Việt vay 02 lần: Lần 01 từ ngày 04/12/2019 đến ngày 18/12/2019 vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức góp ngày, đã đóng tiền gốc 3.000.000 đồng và tiền lãi là 750.000 đồng/15 ngày; lãi suất cho vay 360%/năm. Lần 02 từ ngày 15/12/2019 đến ngày 18/12/2019 vay 4.000.000 đồng, đã đóng tiền gốc 800.000 đồng và tiền lãi là 200.000 đồng/04 ngày; lãi suất cho vay là 450%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 3.800.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 5.200.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 50.555 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) là 899.444 đồng.

+ Anh Tằng Quốc H vay số tiền 8.000.000 từ ngày 21/10/2019 đến ngày 31/10/2019 theo hình thức 10 ngày trả lãi 01 lần, số tiền lãi đã trả là 3.200.000 đồng/20 ngày, tiền gốc chưa trả; lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 0 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ: 8.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 88.888 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 3.111.111 đồng.

+ Anh Nguyễn Thế P vay 04 lần: Lần 01 vay 5.000.000 đồng từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019 theo hình thức 10 ngày trả lãi 01 lần, tiền gốc đã trả hết, tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng/10 ngày; lãi suất cho vay là 720%/năm. Lần 02 vay 10.000.000 đồng từ ngày 03/11/2019 đến ngày 09/11/2019 theo hình thức góp ngày, đã đóng tiền gốc 2.000.000 đồng và lãi tiền lãi là 500.000 đồng/05 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Lần 03 vay 10.000.000 đồng từ ngày 12/11/2019 đến ngày 22/11/2019 theo hình thức 10 ngày trả lãi 01 lần, đã trả hết tiền gốc, tiền lãi đã trả là 500.000 đồng/10 ngày; lãi suất cho vay là 180%/năm. Lần 04 vay 5.000.000 đồng từ ngày 17/11/2019 đến ngày 09/12/2019 theo hình thức góp ngày, đã đóng tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi 1.250.000 đồng/25 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 22.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 8.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 180.555 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 3.069.444 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị Mộng T vay 10.000.000 đồng từ ngày 06/10/2019 đến ngày 30/11/2019 theo hình thức 10 ngày đóng lãi 01 lần, tiền gốc đã trả hết, tiền lãi đã trả là 10.000.000 đồng/50 ngày; lãi suất vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 10.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 0 đồng; số tiền lãi theo quy định: 277.777 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người

vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 9.722.222 đồng.

+ Chị Phan Thị H vay 30.000.000 đồng từ ngày 27/11/2019 đến ngày 16/12/2019 theo hình thức 10 ngày đóng lãi 01 lần, tiền gốc đã trả hết, tiền lãi đã trả là 13.200.000 đồng/22 ngày; lãi suất vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 30.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 0 đồng; số tiền lãi theo quy định: 366.666 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 12.833.333 đồng.

+ Anh Phan Thanh T vay 02 lần. Lần 01 vay 10.000.000 đồng từ ngày 11/10/2019 đến ngày 21/10/2019 theo hình thức 10 ngày đóng lãi 01 lần; tiền gốc đã trả hết, tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng/10 ngày; lãi suất vay là 720%/năm. Lần 02 vay 10.000.000 đồng ngày 16/11/2019 đến ngày 25/12/2019 theo hình thức 10 ngày đóng lãi 01 lần; tiền gốc chưa trả, tiền lãi đã trả là 8.000.000 đồng/40 ngày; lãi suất vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 10.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 10.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 277.777 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 9.722.222 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị D vay 5.000.000 đồng từ ngày 01/12/2019 theo hình thức góp ngày, đã đóng được 4.200.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 1.050.000 đồng/21 ngày, lãi suất cho vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 4.200.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 800.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 58.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 991.666 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị M vay 04 lần. Lần 01 vay 5.000.000 đồng từ ngày 29/11/2019 đến ngày 23/12/2019 theo hình thức góp ngày, tiền gốc đã trả hết, tiền lãi là 1.250.000 đồng/25 ngày, lãi suất cho vay là 360%/năm. Lần 02 vay 5.000.000 đồng từ ngày 03/12/2019 đến ngày 27/12/2019 theo hình thức góp ngày, đã trả hết tiền gốc, tiền lãi đã trả là 1.250.000 đồng/25 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Lần 03 vay 5.000.000 đồng từ ngày 06/12/2019 đến ngày 31/12/2019 theo hình thức góp ngày, đã trả hết tiền gốc, tiền lãi đã trả là 1.250.000 đồng/25 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Lần 04 vay 10.000.000 đồng từ ngày 17/12/2019 đến ngày 27/12/2019 theo hình thức góp ngày, chưa trả tiền gốc và đã trả tiền lãi 1.000.000 đồng/ 10 ngày; lãi suất vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 15.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 10.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 263.888 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 4.486.111 đồng.

+ Chị Lê Thị Kim A vay 10.000.000 đồng từ ngày 11/12/2019 đến ngày 19/12/2019 theo hình thức góp ngày, đã trả được 3.600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 1.000.000 đồng/09 ngày; lãi suất cho vay là 400%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 3.600.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 6.400.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 50.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 950.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Văn Đ vay 02 lần. Lần 01 vay 30.000.000 đồng từ ngày 19/12/2019 đến 28/12/2019 theo hình thức 10 ngày đóng lãi 01 lần, tiền gốc đã trả hết, tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng/10 ngày; lãi suất cho vay là 720%/năm. Lần 02 vay 30.000.000 đồng từ ngày 05/12/2019 đến ngày 10/12/2019 theo hình thức đóng lãi ngày, tiền gốc đã trả hết, tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng/05 ngày; lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 60.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 0 đồng; số tiền lãi theo quy định: 250.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 8.750.000 đồng.

+ Anh Phạm Ngọc T vay 10.000.000 đồng từ ngày 29/11/2019 đến ngày 03/12/2019 theo hình thức đóng lãi ngày, tiền gốc đã trả hết, tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng/05 ngày; lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 10.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 0 đồng; số tiền lãi theo quy định: 27.777 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 972.222 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị Diễm H vay 10.000.000 đồng từ ngày 14/12/2019 đến ngày 23/12/2019 theo hình thức đóng lãi ngày, tiền gốc chưa trả, tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng/10 ngày, lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 0 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 10.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 55.555 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 1.944.444 đồng.

+ Anh Nguyễn Quang T vay 5.000.000 đồng từ ngày 29/11/2019 đến ngày 23/12/2019 theo hình thức trả góp, tiền gốc đã trả được 1.000.000 đồng và tiền lãi là 250.000 đồng/05 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 1.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 4.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 13.888 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 236.111 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Huyền N vay 10.000.000 đồng từ ngày 29/11/2019 đến 23/12/2019 theo hình thức trả góp, tiền gốc đã trả được 8.000.000 đồng và tiền lãi là 2.000.000 đồng/20 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 8.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 2.000.000 đồng; số tiền lãi heo quy định: 111.111 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 1.888.888 đồng.

+ Anh Đỗ Trường N vay 5.000.000 đồng từ ngày 03/12/2019 đến 27/12/2019 theo hình thức trả góp, tiền gốc đã trả được 3.400.000 đồng và tiền lãi là 850.000 đồng/17 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 3.400.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 1.600.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 47.222 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 802.777 đồng.

+ Anh Ngô P vay 10.000.000 đồng từ ngày 05/12/2019 đến 30/12/2019 theo hình thức trả góp, tiền gốc đã trả được 4.800.000 đồng và tiền lãi là 1.200.000 đồng/12 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc

người vay đã trả là: 4.800.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 5.200.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 66.666 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 1.133.333 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị H vay 30.000.000 đồng từ ngày 30/11/2019 đến ngày 10/12/2019 theo hình thức đóng lãi ngày, tiền gốc chưa trả, tiền lãi đã trả là 1.200.000 đồng/02 ngày, lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 0 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 30.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 33.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 1.166.666 đồng.

+ Anh Diệp Anh T vay 10.000.000 đồng từ ngày 15/11/2019 đến 24/11/2019 theo hình thức đóng lãi ngày, tiền gốc đã trả hết, tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng/10 ngày, lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 10.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 0 đồng; số tiền lãi theo quy định: 55.555 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 1.944.444 đồng.

+ Anh Đặng Vĩnh P vay 10.000.000 đồng từ ngày 23/9/2019 đến 31/10/2019 (Vay dùm cho anh Tằng Quốc H) theo hình thức đóng lãi ngày, tiền gốc chưa trả; tiền lãi đã trả là 8.000.000 đồng/40 ngày, lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 0 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 10.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 222.222 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 7.777.777 đồng.

+ Anh Tằng Nhựt S vay 02 lần. Lần 01 vay 5.000.000 đồng từ ngày 03/10/2019 đến 21/10/2019 theo hình thức đóng lãi ngày, tiền gốc chưa trả, tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng/20 ngày, lãi suất cho vay là 720%/năm. Lần 02 vay thêm 2.000.000 đồng (tổng cộng tiền gốc 02 lần vay là 07 triệu đồng) từ ngày 23/10/2019 đến 29/11/2019 theo hình thức đóng lãi ngày, tiền gốc chưa trả, tiền lãi đã trả là 5.600.000 đồng/40 ngày, lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 0 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 7.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 211.111 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 7.388.888 đồng.

+ Chị Triệu Thị Ngọc X vay 30.000.000 đồng từ ngày 26/11/2019 đến ngày 05/12/2019 theo hình thức trả lãi ngày, tiền gốc chưa trả, tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng/10 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 0 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 30.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 166.666 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 2.833.333 đồng.

+ Chị Tinh Sy H vay 5.000.000 đồng từ ngày 08/12/2019 đến ngày 02/01/2020 theo hình thức trả góp, tiền gốc đã trả được 2.400.000 đồng và tiền lãi đã trả là 600.000 đồng/12 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 2.400.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 2.600.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 33.333 đồng, số tiền thu lợi bất chính

của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 566.666 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị Mộng T vay 10.000.000 đồng từ ngày 14/11/2019 đến ngày 23/11/2019 theo hình thức trả lãi ngày, tiền gốc chưa trả, tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng/10 ngày, lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 0 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 10.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 55.555 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 1.944.444 đồng.

+ Anh Lâm Cỏn P vay 5.000.000 đồng từ ngày 05/12/2019 đến ngày 18/12/2019 theo hình thức trả góp, tiền gốc đã trả được 2.600.000 đồng và tiền lãi đã trả là 650.000 đồng/13 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 2.600.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 2.400.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 36.111 đồng; số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) là 613.888 đồng.

+ Bà Trần Thị D vay 02 lần. Lần 01 vay 5.000.000 đồng từ ngày 26/9/2019 đến ngày 24/10/2019 theo hình thức trả lãi ngày, tiền gốc chưa trả, tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng/30 ngày, lãi suất cho vay là 720%/năm. Lần 02 từ ngày 04/12/2019 đến ngày 18/12/2019 theo hình thức trả lãi ngày (đã trả bớt 3.000.000 đồng vay đợt 01, số tiền gốc còn lại của đợt 02 là 2.000.000 đồng), tiền lãi đã trả là 400.000 đồng/10 ngày; lãi suất cho vay là 720%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 3.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 2.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 83.333 đồng số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) là 3.316.666 đồng.

+ Chị Hồ Thị Thanh H vay 5.000.000 đồng từ ngày 04/12/2019 đến 18/12/2019 theo hình thức trả góp, tiền gốc đã trả được 3.000.000 đồng và tiền lãi đã trả là 750.000 đồng/15 ngày; lãi suất cho vay là 360%/năm. Như vậy, số tiền gốc người vay đã trả là: 3.000.000 đồng; số tiền gốc người vay còn nợ 2.000.000 đồng; số tiền lãi theo quy định: 41.666 đồng, số tiền thu lợi bất chính của người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) 708.333 đồng.

Như vậy, căn cứ vào 38 hợp đồng vay tiền, 03 cuốn sổ có chữ viết của Nguyễn Văn T ghi thông tin người vay, số tiền cho vay, theo dõi số tiền trả lãi của những người vay tiền có đủ căn cứ xác định tổng số tiền gốc Nguyễn Văn T đã cho vay là: 419.000.000 đồng (Bốn trăm mười chín triệu đồng), tổng số tiền lãi đã thu của những người vay tiền là 104.900.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu, chín trăm ngàn đồng), trong đó: tiền lãi theo quy định là: 3.656.111 đồng, số tiền thu lợi bất chính của những người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) là 101.243.889 đồng, cao gấp 27,69 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại bản Cáo trạng số: 99-CT/VKS-TB ngày 23 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo: Nguyễn Văn T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với Nguyễn Văn T hiện nay đã bỏ trốn chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra tiếp tục xác minh làm rõ khi có đủ căn cứ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Văn Long, kết quả giám định số 1305/KLGĐ-PC09 ngày 10/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai có thể hiện chữ viết của Nguyễn Văn Long trên một số giấy tờ vay nợ, tuy nhiên quá trình điều tra Nguyễn Văn Long không thừa nhận cùng Nguyễn Văn T tham gia cho vay lấy lãi, đồng thời Nguyễn Văn T cũng khai nhận chỉ có bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi cho vay lấy lãi không có ai tham gia cùng, do đó không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Văn Long.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

+ Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù;

+ Xử lý vật chứng:

Đối với 03 cuốn sổ có ghi thông tin người vay, số tiền cho vay, theo dõi số tiền trả lãi của những người vay đề nghị lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 03 điện thoại di động (01 nhãn hiệu Iphone 6 có sim số 0964590113; 01 nhãn hiệu Oppo A5 có sim số 0788284404, 0865192195; 01 nhãn hiệu Nokia 1202 màu xanh có sim số: 0705788828), 01 đầu thu camera nhãn hiệu HIR VISION liên quan đến việc phạm tội đề nghị Tòa tuyên tịch thu sung công.

Đối với 02 két sắt (nhãn hiệu K-ONE SAFE và BAUCHE. TC); 01 cuốn sổ bên trong có nội dung cầm cố tài sản; 03 gậy đánh golf; 02 dao bấm; 01 búa rìu cán gỗ; 01 xe mô tô biển số 60B8-02412 và 01 xe mô tô biển số 60S7-6418 liên quan đến Nguyễn Văn T, hiện nay Nguyễn Văn T đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, do đó tách ra xử lý sau.

+ Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền 221.256.111 đồng (Hai trăm hai mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn, một trăm mười một đồng) để tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Trong đó có 217.600.000 đồng tiền gốc và 3.656.111 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật được phép giao dịch mà bị cáo đã thu của những người vay tiền.

Buộc những người vay tiền sau đây phải nộp lại tổng cộng số tiền 201.400.000 đồng (Là tiền gốc đã vay của bị cáo Nguyễn Văn T nhưng chưa trả) để tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Cụ thể:

+ Anh Mai Ngọc T số tiền 9.200.000 đồng.

+ Anh Vòng Tắc D số tiền 5.000.000 đồng.

+ Bà Tsan Ngọc M số tiền 20.000.000 đồng.

+ Anh Vũ Văn V số tiền 5.200.000 đồng.

+ Anh Tằng Quốc H số tiền 8.000.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Thế P số tiền 8.000.000 đồng.
+ Anh Phan Thanh T số tiền 10.000.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị D số tiền 800.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị M số tiền 10.000.000 đồng.
+ Chị Lê Thị Kim A số tiền 6.400.000 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Diễm H số tiền 10.000.000 đồng.
+ Anh Nguyễn Quang T số tiền 4.000.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị Huyền N số tiền 2.000.000 đồng.
+ Anh Đỗ Trường N số tiền 1.600.000 đồng.
+ Anh Ngô P số tiền 5.200.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị H số tiền 30.000.000 đồng.
+ Anh Đặng Vĩnh P số tiền 10.000.000 đồng.
+ Anh Tằng Nhựt S số tiền 7.000.000 đồng.
+ Chị Triệu Thị Ngọc X số tiền 30.000.000 đồng.
+ Chị Tinh Sy H số tiền 2.600.000 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền 10.000.000 đồng.
+ Anh Lâm Cỏn P số tiền 2.400.000 đồng.
+ Bà Trần Thị D số tiền 2.000.000 đồng.
+ Chị Hồ Thị Thanh H số tiền 2.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền 101.243.889 đồng (Là khoản tiền thu lợi bất chính, tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) cho những người vay tiền, cụ thể như sau:

+ Anh Mai Ngọc T số tiền 1.652.777 đồng.
+ Anh Vòng Tắc D số tiền 2.194.444 đồng.
+ Bà Tsan Ngọc M số tiền 7.777.777 đồng.
+ Anh Vũ Văn Việt số tiền 899.444 đồng.
+ Anh Tằng Quốc H số tiền 3.111.111 đồng.
+ Anh Nguyễn Thế P số tiền 3.069.444 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền 9.722.222 đồng.
+ Chị Phan Thị H số tiền 12.833.333 đồng.
+ Anh Phan Thanh T số tiền 9.722.222 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị D số tiền 991.666 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị M số tiền 4.486.111 đồng.
+ Chị Lê Thị Kim A số tiền 950.000 đồng.
+ Anh Nguyễn Văn Đ số tiền 8.750.000 đồng.
+ Anh Phạm Ngọc T số tiền 972.222 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Diễm H số tiền 1.944.444 đồng.
+ Anh Nguyễn Quang T số tiền 236.111 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị Huyền N số tiền 1.888.888 đồng.
+ Anh Đỗ Trường N số tiền 802.777 đồng.
+ Anh Ngô P số tiền 1.133.333 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.166.666 đồng.
+ Anh Diệp Anh T số tiền 1.944.444 đồng.
+ Anh Đặng Vĩnh P số tiền 7.777.777 đồng.
+ Anh Tằng Nhựt S số tiền 7.388.888 đồng.

+ Chị Triệu Thị Ngọc X số tiền 2.833.333 đồng.
+ Chị Tinh Sy H số tiền 566.666 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền 1.944.444 đồng.
+ Anh Lâm Cỏn P số tiền 613.888 đồng.
+ Bà Trần Thị D số tiền 3.316.666 đồng.
+ Chị Hồ Thị Thanh H số tiền 708.333 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T có ý kiến tranh luận: Không tranh luận về tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong số 30 người vay tiền của bị cáo Nguyễn Văn T theo cáo trạng truy tố, bị cáo Nguyễn Văn T chỉ cho 06 người gồm anh Vòng Tắc D, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Văn Đ, anh Đỗ Trường N, anh Ngô P vay với tổng số tiền gốc cho vay là 115.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 19.100.000 đồng; 24 người còn lại vay tiền của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Long, đối tượng tên Thế hoặc không biết ai cho họ vay tiền; hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là quá nghiêm khắc vì thực tế trong số 06 người vay tiền của Nguyễn Văn T có nhiều người chưa trả tiền lãi và tiền gốc cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn" và tình tiết "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" theo quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo thừa nhận bị cáo có hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật hình sự, cáo trạng truy tố bị cáo không có oan sai, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận có cho 30 người có tên trên các hợp đồng vay tiền với tổng số tiền gốc cho vay khoảng 100.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay từ 2%-2,5%/ tháng, tiền lãi đã thu được khoảng 19.100.000 đồng, không thừa nhận cho vay lãi nặng. Tuy nhiên, sau phần tranh luận bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận bị cáo có hành vi cho vay lãi nặng, vi phạm pháp luật hình sự, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố bị cáo không có oan sai.

Căn cứ vào kết luận giám định chữ viết số 1305/KLGĐ-PC09 ngày 10/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai xác định Nguyễn Văn T là người đã ghi thông tin người vay tiền, số tiền cho vay, theo dõi số tiền trả lãi của những người vay vào 03 cuốn sổ. Đồng thời dữ liệu hình ảnh thu được trong đầu thu camera an ninh thể hiện việc cho vay tiền diễn ra giữa Nguyễn Văn T và những người vay. Bị cáo cũng khai nhận chỉ có bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện hành vi cho vay lấy lãi không có ai tham gia cùng bị cáo trong vụ án này. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 19/5/2021 của bị cáo

Nguyễn Văn T có xác nhận của luật sư Sin Thoại K: "*Tôi có chứng kiến bị can Nguyễn Văn T viết bản tự khai giao cho tôi nộp cho Tòa án*" có nội dung: *từ tháng 9/2019 đến tháng 12/2019 bị cáo Nguyễn Văn T đã cho những người vay cư trú ở khu vực này vay với tổng số tiền 300.000.000 đồng. Những người có tên sau: Mai Ngọc T, Vòng Tắc D, Tsan Ngọc M, Tằng Quốc H, Nguyễn Thế P…và nhiều người khác. Hình thức vay góp và lãi theo ngày, 250.000 đồng với số tiền 5.000.000 đồng gốc, trả trong vòng 25 ngày là xong. Bản thân tôi có nhận thực hạn chế pháp luật nên không biết việc cho vay lãi như trên là vi phạm pháp luật hình sự chỉ nghĩ là những giao dịch dân sự giữa hai người với nhau*.

Như vậy, nội dung cáo trạng số 99-CT/VKS-TB ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai là có căn cứ phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 9/2019 đến ngày 20/12/2019 tại xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi cho anh Mai Ngọc T, anh Vòng Tắc D, bà Tsan Ngọc M, anh Vũ Văn Việt, anh Tằng Quốc H, anh Nguyễn Thế P, chị Nguyễn Thị Mộng T, chị Phan Thị H, anh Phan Thanh T, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị M, chị Lê Thị Kim A, anh Nguyễn Văn Đ, anh Phạm Ngọc T, chị Nguyễn Thị Diễm H, anh Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Huyền N, anh Đỗ Trường N, anh Ngô P, bà Nguyễn Thị H, anh Diệp Anh T, anh Đặng Vĩnh P, anh Tằng Nhựt S, chị Triệu Thị Ngọc X, chị Tinh Sy H, chị Nguyễn Thị Mộng T, anh Lâm Cỏn P, bà Trần Thị D, chị Hồ Thị Thanh H tổng số tiền 419.000.000 đồng (Bốn trăm mười chín triệu đồng), tổng số tiền lãi đã thu của những người vay tiền là 104.900.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu, chín trăm ngàn đồng), trong đó: số tiền lãi theo quy định là: 3.656.111 đồng, số tiền thu lợi bất chính của những người vay tiền (Là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) là **101.243.889** đồng, cao gấp 27,69 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận xã hội đối với vấn nạn "tín dụng đen" nên cần xử phạt bị cáo một mức án đủ nghiêm nhằm cải tạo và giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời còn răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, vì khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

+ Xử lý vật chứng:

Đối với 03 cuốn sổ ghi thông tin người vay, số tiền cho vay, theo dõi số tiền trả lãi của những người vay lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 03 điện thoại di động (01 nhãn hiệu Iphone 6 có sim số 0964590113; 01 nhãn hiệu Oppo A5 có sim số 0788284404, 0865192195; 01 nhãn hiệu Nokia 1202 màu xanh có sim số: 0705788828), 01 đầu thu camera nhãn hiệu HIR VISION liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước;

Đối với 02 két sắt (nhãn hiệu K-ONE SAFE và BAUCHE. TC); 01 cuốn sổ bên trong có nội dung cầm cố tài sản; 03 gậy đánh golf; 02 dao bấm; 01 búa rìu cán gỗ; 01 xe mô tô biển số 60B8-02412 và 01 xe mô tô biển số 60S7-6418 liên quan đến Nguyễn Văn T, hiện nay Nguyễn Văn T đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, do đó tách ra xử lý sau.

+ Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền 221.256.111 đồng (Hai trăm hai mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn, một trăm mười một đồng) để tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Trong đó có 217.600.000 đồng tiền gốc và 3.656.111 đồng tiền lãi theo quy định của pháp luật được phép giao dịch mà bị cáo đã thu của những người vay tiền.

Buộc những người vay tiền sau đây phải nộp lại tổng cộng số tiền 201.400.000 đồng (Là tiền gốc đã vay của bị cáo Nguyễn Văn T nhưng chưa trả) để tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Cụ thể:

+ Anh Mai Ngọc T số tiền 9.200.000 đồng.
+ Anh Vòng Tắc D số tiền 5.000.000 đồng.
+ Bà Tsan Ngọc M số tiền 20.000.000 đồng.
+ Anh Vũ Văn Việt số tiền 5.200.000 đồng.
+ Anh Tằng Quốc H số tiền 8.000.000 đồng.
+ Anh Nguyễn Thế P số tiền 8.000.000 đồng.
+ Anh Phan Thanh T số tiền 10.000.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị D số tiền 800.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị M số tiền 10.000.000 đồng.
+ Chị Lê Thị Kim A số tiền 6.400.000 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Diễm H số tiền 10.000.000 đồng.
+ Anh Nguyễn Quang T số tiền 4.000.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị Huyền N số tiền 2.000.000 đồng.
+ Anh Đỗ Trường N số tiền 1.600.000 đồng.
+ Anh Ngô P số tiền 5.200.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị H số tiền 30.000.000 đồng.
+ Anh Đặng Vĩnh P số tiền 10.000.000 đồng.
+ Anh Tằng Nhựt S số tiền 7.000.000 đồng.
+ Chị Triệu Thị Ngọc X số tiền 30.000.000 đồng.
+ Chị Tinh Sy H số tiền 2.600.000 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền 10.000.000 đồng.
+ Anh Lâm Cỏn P số tiền 2.400.000 đồng.
+ Bà Trần Thị D số tiền 2.000.000 đồng.
+ Chị Hồ Thị Thanh H số tiền 2.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền 101.243.889 đồng (Là khoản tiền thu lợi bất chính, tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) cho những người vay tiền, cụ thể như sau:

+ Anh Mai Ngọc T số tiền 1.652.777 đồng.
+ Anh Vòng Tắc D số tiền 2.194.444 đồng.
+ Bà Tsan Ngọc M số tiền 7.777.777 đồng.
+ Anh Vũ Văn Việt số tiền 899.444 đồng.
+ Anh Tằng Quốc H số tiền 3.111.111 đồng.
+ Anh Nguyễn Thế P số tiền 3.069.444 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền 9.722.222 đồng.
+ Chị Phan Thị H số tiền 12.833.333 đồng.
+ Anh Phan Thanh T số tiền 9.722.222 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị D số tiền 991.666 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị M số tiền 4.486.111 đồng.
+ Chị Lê Thị Kim A số tiền 950.000 đồng.
+ Anh Nguyễn Văn Đ số tiền 8.750.000 đồng.
+ Anh Phạm Ngọc T số tiền 972.222 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Diễm H số tiền 1.944.444 đồng.
+ Anh Nguyễn Quang T số tiền 236.111 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị Huyền N số tiền 1.888.888 đồng.
+ Anh Đỗ Trường N số tiền 802.777 đồng.
+ Anh Ngô P số tiền 1.133.333 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.166.666 đồng.
+ Anh Diệp Anh T số tiền 1.944.444 đồng.
+ Anh Đặng Vĩnh P số tiền 7.777.777 đồng.
+ Anh Tằng Nhựt S số tiền 7.388.888 đồng.
+ Chị Triệu Thị Ngọc X số tiền 2.833.333 đồng.
+ Chị Tinh Sy H số tiền 566.666 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền 1.944.444 đồng.
+ Anh Lâm Cỏn P số tiền 613.888 đồng.
+ Bà Trần Thị D số tiền 3.316.666 đồng.
+ Chị Hồ Thị Thanh H số tiền 708.333 đồng.

[6] Về tổng hợp hình phạt đối với bị cáo: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HSST ngày 28/5/2020 của TAND tỉnh Đồng Nai (đã có hiệu lực pháp luật) đã xử phạt bị cáo 02 năm cải tạo không giam giữ về tội " Bắt giữ người trái pháp luật", nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ trước, thời gian còn lại phải chấp hành là 14 tháng 09 ngày kể từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Ngày 17/7/2020, xã Cây Gáo, huyện Trảng Bom đã nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; đến ngày 10/10/2020 bị cáo bị giam giữ để điều tra về hành vi phạm tội bị xét xử trong vụ án này. Như vậy, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HSST ngày 28/5/2020 của TAND tỉnh Đồng Nai, bị cáo đã chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ từ ngày 17/7/2020 đến ngày 10/10/2020, tổng cộng được 86 ngày, thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành là 343 ngày, được chuyển đổi thành 114 ngày tù (theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải

tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù). Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử còn các vấn đề khác là phù hợp.

[8] Đối với ý kiến tranh luận của luật sư bào chữa cho bị cáo: Đối với số người vay tiền, số tiền gốc bị cáo Nguyễn Văn T cho vay và số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Văn T theo ý kiến tranh luận của luật sư là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã phân tích ở trên. Về đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù; tổng hợp với hình phạt 114 ngày tù (tương đương 03 tháng 24 ngày tù) còn lại của bản án số 32/2020/HSST ngày 28/5/2020 của TAND tỉnh Đồng Nai về tội " Bắt giữ người trái pháp luật". Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **09** (chín) tháng **24** (hai mươi bốn) ngày tù; thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2020.

2. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với 03 điện thoại di động (01 nhãn hiệu Iphone 6 có sim số 0964590113; 01 nhãn hiệu Oppo A5 có sim số 0788284404, 0865192195; 01 nhãn hiệu Nokia 1202 màu xanh có sim số: 0705788828) và 01 đầu thu camera nhãn hiệu HIR VISION;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền 221.256.111 đồng (Hai trăm hai mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn, một trăm mười một đồng) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc những người vay tiền sau đây phải nộp lại tổng cộng số tiền 201.400.000 đồng (Là tiền gốc đã vay của bị cáo Nguyễn Văn T nhưng chưa trả) để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

+ Anh Mai Ngọc T số tiền 9.200.000 đồng.

+ Anh Vòng Tắc D số tiền 5.000.000 đồng.

+ Bà Tsan Ngọc M số tiền 20.000.000 đồng.

+ Anh Vũ Văn Việt số tiền 5.200.000 đồng.

+ Anh Tăng Quốc H số tiền 8.000.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Thế P số tiền 8.000.000 đồng.

+ Anh Phan Thanh T số tiền 10.000.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị D số tiền 800.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị M số tiền 10.000.000 đồng.
+ Chị Lê Thị Kim A số tiền 6.400.000 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Diễm H số tiền 10.000.000 đồng.
+ Anh Nguyễn Quang T số tiền 4.000.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị Huyền N số tiền 2.000.000 đồng.
+ Anh Đỗ Trường N số tiền 1.600.000 đồng.
+ Anh Ngô P số tiền 5.200.000 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị H số tiền 30.000.000 đồng.
+ Anh Đặng Vĩnh P số tiền 10.000.000 đồng.
+ Anh Tằng Nhựt S số tiền 7.000.000 đồng.
+ Chị Triệu Thị Ngọc X số tiền 30.000.000 đồng.
+ Chị Tinh Sy H số tiền 2.600.000 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền 10.000.000 đồng.
+ Anh Lâm Cỏn P số tiền 2.400.000 đồng.
+ Bà Trần Thị D số tiền 2.000.000 đồng.
+ Chị Hồ Thị Thanh H số tiền 2.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền 101.243.889 đồng (Là khoản tiền thu lợi bất chính, tương ứng với mức lãi suất trên 20%/ năm) cho những người vay tiền, cụ thể như sau:

+ Anh Mai Ngọc T số tiền 1.652.777 đồng.
+ Anh Vòng Tắc D số tiền 2.194.444 đồng.
+ Bà Tsan Ngọc M số tiền 7.777.777 đồng.
+ Anh Vũ Văn Việt số tiền 899.444 đồng.
+ Anh Tằng Quốc H số tiền 3.111.111 đồng.
+ Anh Nguyễn Thế P số tiền 3.069.444 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền 9.722.222 đồng.
+ Chị Phan Thị H số tiền 12.833.333 đồng.
+ Anh Phan Thanh T số tiền 9.722.222 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị D số tiền 991.666 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị M số tiền 4.486.111 đồng.
+ Chị Lê Thị Kim A số tiền 950.000 đồng.
+ Anh Nguyễn Văn Đ số tiền 8.750.000 đồng.
+ Anh Phạm Ngọc T số tiền 972.222 đồng.
+ Chị Nguyễn Thị Diễm H số tiền 1.944.444 đồng.
+ Anh Nguyễn Quang T số tiền 236.111 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị Huyền N số tiền 1.888.888 đồng.
+ Anh Đỗ Trường N số tiền 802.777 đồng.
+ Anh Ngô P số tiền 1.133.333 đồng.
+ Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.166.666 đồng.
+ Anh Diệp Anh T số tiền 1.944.444 đồng.
+ Anh Đặng Vĩnh P số tiền 7.777.777 đồng.
+ Anh Tằng Nhựt S số tiền 7.388.888 đồng.
+ Chị Triệu Thị Ngọc X số tiền 2.833.333 đồng.

+ Chị Tinh Sy H số tiền 566.666 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị Mộng T số tiền 1.944.444 đồng.

+ Anh Lâm Cỏn P số tiền 613.888 đồng.

+ Bà Trần Thị D số tiền 3.316.666 đồng.

+ Chị Hồ Thị Thanh H số tiền 708.333 đồng.

(Vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- NTG - CA huyện Trảng Bom;
- Công an huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS H. Trảng Bom;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Duy Mạnh